

UNIT 10:**SPACE TRAVEL****A CLOSER LOOK 1****I/ NEW WORDS:**

- modify	(v) : thay đổi, sửa đổi
- orbit	(v) : di chuyển theo quỹ đạo
- comet	(n) : sao chổi
- bachelor's degree	(n) : bằng cử nhân
- simulate	(v) : mô phỏng, giả vờ
- atmospheric	(adj) : thuộc không khí
- giant	(adj) : khổng lồ
- crew	(n) : ban , nhóm, đội
- phase	(n) : giai đoạn, thời kỳ
- apply	(v) : đưa ra một yêu cầu
- as long as	: miễn là, chỉ cần, với ĐK là
- trainee	(n) : học viên